

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH A
Tỉnh Hậu Giang**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 27/2024/DS-ST
Ngày: 27-3-2024
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH A, TỈNH HẬU GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Chúc Linh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn Thanh

2. Ông Hồ Thanh Trí

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Thông – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang tham gia phiên tòa: Ông Lê Thanh Tường - Kiểm sát viên.

Trong ngày 27 tháng 3 năm 2024, Tòa án nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang tiến hành xét xử sơ thẩm trực tuyến công khai vụ án thụ lý số: 250/2023/TLST-DS ngày 21 tháng 11 năm 2023 về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 27/2024/QĐXX-ST ngày 05 tháng 02 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Ngô Thị Kim L**

Địa chỉ: **Số I, đường H, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ.**

Người đại diện theo ủy quyền của bà **Ngô Thị Kim L**: Ông **Nguyễn Trọng N**, địa chỉ: **Số B, ấp A, xã V, huyện V, tỉnh Hậu Giang.** Có mặt.

2. Bị đơn: Ông **Trần Văn L1**, địa chỉ: **Ấp T, thị trấn M, huyện C, tỉnh Hậu Giang.** Vắng mặt.

Điểm cầu trung tâm tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang.

Điểm cầu thành phần tại Phòng họp trực tuyến **Ủy ban nhân dân thị trấn M, huyện C, tỉnh Hậu Giang.**

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn là bà **Ngô Thị Kim L** trình bày như sau: Vào ngày 06/10/2023, ông **Trần Văn L1** có đến gặp bà để vay tiền, số tiền vay là 542.000.000đồng (năm trăm bốn mươi hai triệu đồng) để làm ăn, kinh doanh. Ông **L1** có hứa trong thời hạn 04 ngày kể từ ngày 06/10/2023 sẽ trả cho bà. Đến hạn trả tiền là ngày 10/10/2023, bà có gọi điện

thoại nhiều lần yêu cầu công L1 trả tiền nhưng ông L1 cứ hẹn lần hẹn lượt mà không trả, có tình né tránh. Vì vậy, bà yêu cầu nguyên đơn trả số tiền nợ gốc là 542.000.000đồng (năm trăm bốn mươi hai triệu đồng) và lãi suất với mức 1,66%/tháng cho đến khi trả xong phần nợ gốc.

Quá trình tố tụng bị đơn là ông Trần Văn L1 đã được Tòa án thông báo về việc bà Ngô Thị Kim L khởi kiện đòi nợ vay. Đồng thời, ông L1 đã được Tòa án tổng đạt giấy triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của ông L1 về các vấn đề liên quan vụ án.

Tại phiên tòa hôm nay, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Nguyễn Trọng N xác định giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đòi nợ gốc đối với bị đơn Trần Văn L1, thay đổi yêu cầu tính lãi với mức là 0,83%/tháng, từ ngày 11/10/2023 cho đến nay và yêu cầu ông L1 tiếp tục trả lãi trên số dư nợ gốc với mức lãi suất 0,83% từ ngày 28/3/2024 cho đến khi trả hết nợ gốc.

Bị đơn Trần Văn L1 vắng mặt tại phiên tòa không rõ lý do dù đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành A phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định pháp luật, đảm bảo đúng về thời hạn cũng như trình tự thủ tục. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa dù đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai. Vì vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp với quy định tại Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 463, 466, 357, 468 của Bộ luật Dân sự 2015 chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn trả cho nguyên đơn số tiền nợ gốc là 542.000.000đồng (năm trăm bốn mươi hai triệu đồng) và tiền lãi phát sinh từ ngày 11/10/2023 cho đến ngày 27/3/2024 với mức lãi suất là 10%/năm, đồng thời buộc bị đơn tiếp tục trả lãi phát sinh với mức 0,83%/tháng từ ngày 28/3/2024 cho đến khi bị đơn trả hết nợ gốc.

Về án phí: Các đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn là bà Ngô Thị Kim L cho rằng có cho bị đơn là ông Trần Văn L1 vay tiền, sau đó ông L1 không thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận, từ đó phát sinh tranh chấp. Xét đây là vụ án tranh chấp hợp đồng vay tài sản, bị đơn là Trần Văn L1 có nơi cư trú tại ấp T, thị

trần M, huyện C, tỉnh Hậu Giang nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành A theo quy định tại khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có mặt, thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn vắng mặt dù đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Bà Ngô Thị Kim L yêu cầu ông Trần Văn L1 trả số tiền nợ gốc 542.000.000đồng (năm trăm bốn mươi hai triệu đồng) và lãi suất 0,83%/tháng tính từ ngày 11/10/2023 cho đến khi trả hết nợ gốc.

[3.1] Xét giao dịch vay tài sản giữa nguyên đơn và bị đơn: Nguyên đơn có cung cấp cho Tòa án một “Giấy mượn tiền” lập ngày 06/10/2023 trong đó bên mượn tiền là ông Trần Văn L1, bên cho mượn là bà Ngô Thị Kim L, số tiền mượn là gốc 542.000.000đồng (năm trăm bốn mươi hai triệu đồng), thời hạn trả là 04 ngày kể từ ngày 06/10/2023, hai bên không có thỏa thuận lãi suất. Cuối “Giấy mượn tiền” có chữ ký và viết tên của ông Trần Văn L1.

Bị đơn là ông Trần Văn L1 dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn không đến Tòa án trình bày ý kiến về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, tự mình từ bỏ quyền phản bác đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Vì vậy, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định ông Trần Văn L1 có mượn của bà Ngô Thị Kim L số tiền gốc 542.000.000đồng (năm trăm bốn mươi hai triệu đồng), thời hạn trả là 04 ngày kể từ ngày 06/10/2023 nhưng đến nay chưa trả. Vì vậy, ông L1 có nghĩa vụ phải trả cho bà Ngô Thị Kim L số tiền nợ gốc là gốc 542.000.000đồng (năm trăm bốn mươi hai triệu đồng).

[3.2] Xét yêu cầu tính lãi của nguyên đơn đối với bị đơn: Theo giấy mượn tiền mà nguyên đơn giao nộp, thì giữa hai bên không có thỏa thuận lãi suất trong thời hạn mượn tiền. Tuy nhiên, sau thời hạn này, ông L1 không thực hiện việc trả nợ nên nguyên đơn yêu cầu ông L1 phải trả nợ lãi chậm trả với mức bằng 0,83%/tháng tính từ ngày 11/10/2023 cho đến khi trả hết nợ gốc là phù hợp với quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015 về chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền. Cụ thể số tiền lãi mà ông L1 phải trả tính từ ngày 11/10/2023 đến 27/3/2024 là 05 tháng 17 ngày tương ứng số tiền là: $[(542.000.000\text{đồng} \times 0,83\%) \times 5] + [(542.000.000\text{đồng} \times 0,83\%)/30 \times 17] = 22.493.000\text{đồng} + 2.549.206\text{đồng} = 25.042.206\text{đồng}$ (Hai mươi lăm triệu không trăm bốn mươi hai ngàn hai trăm lẻ sáu đồng).

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn. Buộc bị đơn là ông Trần Văn L1 phải trả cho nguyên đơn Ngô Thị Kim L số tiền nợ gốc là gốc 542.000.000đồng (năm trăm bốn mươi hai triệu đồng) và lãi chậm trả tính từ ngày 11/10/2023 đến hết

ngày 27/3/2024 là 25.042.206đồng (Hai mươi lăm triệu không trăm bốn mươi hai ngàn hai trăm lẻ sáu đồng), tổng cộng là 567.042.206đồng (năm trăm sáu mươi bảy triệu không trăm bốn mươi hai ngàn hai trăm lẻ sáu đồng). Ông **Trần Văn L1** có nghĩa vụ tiếp tục trả lãi phát sinh trên dư nợ gốc từ ngày 28/3/2024 cho đến khi trả hết nợ với mức lãi suất là 0,83%/tháng.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Hội đồng xét xử xét căn cứ khoản 2, khoản 7, Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án thì bị đơn là ông **Trần Văn L1** phải chịu án phí dân sự sơ thẩm với số tiền là 26.681.688đồng (hai mươi sáu triệu sáu trăm tám mươi một ngàn sáu trăm tám mươi tám đồng).

[5] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành A là phù hợp nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, Điều 147, Điều 244, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Áp dụng các Điều 463, 466, Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015; khoản 2, khoản 7 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là bà **Ngô Thị Kim L** đối với bị đơn là ông **Trần Văn L1** về việc đòi nợ vay.

Buộc ông **Trần Văn L1** có nghĩa vụ phải trả cho bà **Ngô Thị Kim L** số tiền nợ gốc là gốc 542.000.000đồng (năm trăm bốn mươi hai triệu đồng) và lãi chậm trả tính từ ngày 11/10/2023 đến hết ngày 27/3/2024 là 25.042.206đồng (Hai mươi lăm triệu không trăm bốn mươi hai ngàn hai trăm lẻ sáu đồng), tổng cộng là 567.042.206đồng (năm trăm sáu mươi bảy triệu không trăm bốn mươi hai ngàn hai trăm lẻ sáu đồng). Ông **Trần Văn L1** có nghĩa vụ tiếp tục trả lãi phát sinh trên dư nợ gốc từ ngày 28/3/2024 cho đến khi trả hết nợ với mức lãi suất là 0,83%/tháng.

2. Về án phí: Ông **Trần Văn L1** phải chịu 26.681.688đồng (hai mươi sáu triệu sáu trăm tám mươi một ngàn sáu trăm tám mươi tám đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Bà **Ngô Thị Kim L** được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 12.810.000đồng (Mười hai triệu tám trăm mười ngàn đồng) theo biên lai thu tiền số 0004223 ngày 21 tháng 11 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang.

3. Nguyên đơn bà **Ngô Thị Kim L** có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm là ngày 27 tháng 3 năm 2024.

Bị đơn là ông **Trần Văn L1** có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định.

4. Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hậu Giang;
- VKSND huyện Châu Thành A;
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Chúc Linh